

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2018/HS-PT

Ngày: 06 – 6 – 2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Giang

Các Thẩm phán: Bà Lưu Ánh Nguyệt

Ông Nguyễn Văn Sơn

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Đăng – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Hoàng Việt - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 6 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 08/2018/TLPT-HS ngày 15 tháng 01 năm 2018 đối với bị cáo Đặng Hoàng N do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 81/2017/HS-ST ngày 12 tháng 12 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện TC, tỉnh Tây Ninh.

Bị cáo có kháng cáo:

Đặng Hoàng N, sinh năm 1981 tại tỉnh Tây Ninh; nơi cư trú: ấp T, xã TT, huyện TC, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: Công chức địa chính xã; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đặng Thế T, sinh năm 1950 và bà Phan Thị N, sinh năm 1956; có vợ tên Nguyễn Thị H, sinh năm 1982, con có 02 người, lớn sinh năm 2008, nhỏ sinh năm 2014; tiền án, tiền sự: Không có. Bị tạm giam từ ngày 01-8-2017. (có mặt)

Người bào chữa cho bị cáo:

1/ Bà Nguyễn Thị H1 là Luật sư - Văn phòng luật sư HN thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

2/ Ông Võ Văn T là Luật sư - Văn phòng luật sư VN thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Quảng Nam. (có mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1/ Bà Trần Thị Ngọc P, sinh năm 1963; địa chỉ: ấp TH, xã TĐ, huyện TC, tỉnh Tây Ninh. (vắng mặt)

2/ Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1982; địa chỉ: ấp T, xã TT, huyện TC, tỉnh Tây Ninh. (có mặt)

Người làm chứng:

1/ Ông Đào Ngọc H, sinh năm 1962; địa chỉ: Khu phố 2, thị trấn TC, huyện TC, tỉnh Tây Ninh. (có mặt)

2/ Chị Huỳnh Thị Hoàng O, sinh năm 1984; địa chỉ: Ấp TH, xã TĐ, huyện TC, tỉnh Tây Ninh. (vắng mặt)

3/ Ông Đỗ Thiết L, sinh năm 1976; địa chỉ: Ấp HT, xã TH, huyện TC, tỉnh Tây Ninh. (có mặt)

4/ Ông Nguyễn Thành P, sinh năm 1974; địa chỉ: Khu phố 3, thị trấn TC, huyện TC, tỉnh Tây Ninh. (vắng mặt)

5/ Anh Hồ Quốc V, sinh năm 1992; địa chỉ: Ấp HA, xã TH, huyện TC, tỉnh Tây Ninh. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bà Trần Thị Ngọc P quen biết với ông Đào Ngọc H nên bà P có nhờ ông H giúp đỡ trong việc làm hồ sơ, thủ tục đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, diện tích khoảng 5,1ha tại xã TH huyện TC, tỉnh Tây Ninh. Khoảng tháng 5-2016, ông H cùng với Đặng Hoàng N là cán bộ địa chính xã TH đến nhà bà P, tại đây ông H giới thiệu N là cán bộ địa chính xã TH để bà P nhờ N làm thủ tục đổi giấy chứng nhận diện tích 5,1 ha thành 03 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gồm: Một giấy có diện tích 30.000 m² chuyển từ tên bà P sang tên cho con gái của mình là Huỳnh Thị Hoàng O; 01 giấy có diện tích 17.193,1 m² và 01 giấy có diện tích 4.406,7 m² do bà P đứng tên thì N đồng ý và thỏa thuận làm xong 03 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trong thời hạn 02 tháng với số tiền bà P phải đưa cho N là 8.000.000 đồng, do không có tiền nên bà P mượn của con gái mình là O 4.000.000 đồng, loại tiền mệnh giá 500.000 đồng đưa trước cho N có sự chứng kiến của ông H.

Thời gian đã hơn 02 tháng, nhưng không thấy N giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất như đã thỏa thuận, nên bà P và bà O đã nhiều lần điện thoại cho N yêu cầu làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để bà P vay tiền ở ngân hàng nhưng vẫn không có. Đến ngày 27-7-2016, bà O nhờ bạn là ông Nguyễn Thành P đi cùng O đến quán Cây Điều thuộc xã TH, huyện TC, tỉnh Tây Ninh để gặp ông Đỗ Thiết L là Chủ tịch UBND xã TH mà trước đó ông P đã điện thoại hẹn trước với ông L để nhờ ông L tác động cho N làm nhanh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà P. Khoảng đầu tháng 8-2016, N trực tiếp đến nhà bà P và giao cho bà P 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp đổi diện tích

30.000 m² đứng tên Huỳnh Thị Hoàng O và bà P tiếp tục đưa cho N số tiền 3.000.000 đồng, còn lại 1.000.000 đồng bà P và N thống nhất sẽ đưa cho N khi làm xong 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất còn lại. Thời gian đã lâu nhưng không thấy N giao 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất còn lại như đã thỏa thuận, nên ngày 10-02-2017 bà P làm Tờ tường trình tố cáo hành vi của N đến Công an huyện TC. Ngày 08-3-2017, khi cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện TC, tỉnh Tây Ninh mời N đầu giờ chiều cùng ngày đến Công an huyện làm việc, thì khoảng 11 giờ 30 phút cùng ngày N điện thoại cho ông Hồ Quốc V là Công an viên xã TH mang hồ sơ đất diện tích 4.406,7 m² của bà P tại UBND xã TH đến gặp N tại Công an huyện, tại đây N đưa cho V một phong bì có số tiền 7.000.000 đồng và hồ sơ đất trên đến nhà bà P trả lại.

Trong quá trình điều tra, N không thừa nhận hành vi nhận số tiền 7.000.000 đồng của bà P là phạm tội, vì cho rằng bà P kẹp phong bì có số tiền 7.000.000 đồng trong hồ sơ bị cáo không biết.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 81/2017/HSST ngày 12/12/2017 của Tòa án nhân dân huyện TC, tỉnh Tây Ninh, đã xử:

Tuyên bố bị cáo Đặng Hoàng N phạm tội “Nhận hối lộ”.

Áp dụng khoản 1, Điều 279; khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Đặng Hoàng N 03 (ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 01-8-2017.

Áp dụng khoản 5 Điều 279 Bộ luật Hình sự: Cấm bị cáo Đặng Hoàng N làm công tác địa chính trong thời hạn 05 (năm) năm, kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 41; Điều 42 của Bộ luật Hình sự; Điều 76 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Trả lại cho bà Trần Thị Ngọc P số tiền 3.500.000 đồng (ba triệu năm trăm nghìn). Tịch thu sung công quỹ Nhà nước số tiền 3.500.000 đồng (ba triệu năm trăm nghìn).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 14 tháng 12 năm 2017 bị cáo N có đơn kháng cáo với nội dung: Viện kiểm sát buộc tội bị cáo là không có căn cứ, suy diễn, chỉ nghe theo lời khai duy nhất của bị hại, vi phạm luật Tố tụng hình sự, quá trình điều tra thông cung giữa ông H và bà P để thống nhất khai về số tiền, mệnh giá tiền. Bị cáo yêu cầu được đối chất với bị hại nhưng không cho, đến lúc xét xử bị hại vắng mặt. Từ đó, xét xử oan bị cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo N giữ nguyên nội dung kháng cáo và bổ sung bà P và bị cáo không có thỏa thuận ra 3 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; không có nhân chứng nhưng Viện kiểm sát huyện TC buộc tội bị cáo là sai.

Trong phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh đề nghị: Có cơ sở xác định lần đầu bà P đưa 4.000.000 đồng, sau đó hoàn tất giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chị O đứng tên và đưa tiếp 3.000.000 đồng là có căn cứ.

Bị cáo khai số tiền 7.000.000 đồng bà P đưa vào ngày 07/3/2017 khi bà đến ủy ban xã nộp bổ sung hồ sơ là không có căn cứ. Bị cáo kháng cáo kêu oan nhưng không có tài liệu, chứng cứ chứng minh. Đề nghị căn cứ vào Điều 355 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Luật sư T bào chữa cho bị cáo N: Không đồng ý với quan điểm của Viện kiểm sát.

Ngày 07/3/2017 qua kiểm tra điện thoại, ngày này bị cáo N có nhắn tin cho bà P lúc 8 giờ 12 phút “e đang họp” và cùng ngày bị cáo N và bà P điện thoại liên lạc nhiều lần. Từ đó có cơ sở xác định sáng ngày 07/3/2017 bà P có đến Ủy ban xã TH.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông H xác định thấy bà P đưa tiền nhưng không biết bao nhiêu, bị cáo N thừa nhận hôm đó có nhận 400.000 đồng, theo nguyên tắc có lợi cho bị cáo thì phải chấp nhận số tiền bà P đưa là 400.000 đồng. Lần 02 bà P khai đưa 3.000.000 đồng chỉ có lời khai bà P. Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát đã hợp thức hóa lời khai của bà P và bà O để xét xử từ đó bản án sơ thẩm mang tính sùỵ diễn.

Về tội danh: Thâm quyền ra sổ đỏ thuộc Chủ tịch Ủy ban huyện TC và Văn Phòng đăng ký quyền sử dụng đất. Bị cáo N không thể là chủ thể của tội danh nhận hối lộ. Đề nghị hủy bản án sơ thẩm điều tra, xét xử lại.

Luật sư H bào chữa cho bị cáo N: Ngày 27/7/2016 tại quán Cây Điều, vào thời điểm này bà P chỉ có 02 diện tích đất là 30.000m² và 15.500m² hết hạn vay vào ngày 25/7/2016, trong khi tiếp xúc với N, Tr tại đây thì chị O có đưa giấy đồ ra là phù hợp thực tế, sau khi xem giấy tờ anh Tr mới xác định là đất phải ra 03 sổ đỏ. Do đó, bà P khai thỏa thuận với N ra 03 sổ đỏ là vô lý. Về số tiền 4.000.000 đồng: Tại bút lục số 117 chị O khai ngày 08/5/2017 xác định khoảng 10 giờ 30 phút thì bà P có mượn của O 4.000.000 đồng, sự việc xảy ra vào buổi chiều tối nhưng O lại khai vào 10 giờ 30 phút, lời khai của bà P và O mâu thuẫn nhau, không có số tiền 4.000.000 đồng thì không có số tiền 7.000.000 đồng như bà P khai.

Tại quán Cây Điều, N và O hoàn toàn không biết nhau và O không nói gì về số tiền 4.000.000 đồng, theo nguyên tắc có lợi N thừa nhận 400.000 đồng thì phải chấp nhận lời khai của bị cáo.

Việc nộp hồ sơ tại Phòng đăng ký đất đai ai nộp cũng được. Nếu xác định lời khai bà P làm căn cứ truy tố, xét xử thì bị cáo nhận tiền hai lần 4.000.000 đồng và 3.000.000 đồng thì thuộc khoản 2 Điều 279 của Bộ luật Hình sự nhưng cấp sơ thẩm lại xét xử khoản 1 Điều 279 của Bộ luật Hình sự và xác định bị cáo không phải là chủ thể của tội phạm này.

Về nội dung tường trình của bà P: Cho rằng sau khi nhận tiền N thường né tránh nhưng thực tế qua kiểm tra điện thoại của bà P ngày 07/3/2017 bà P vẫn liên lạc và có đến Ủy ban xã TH gặp bị cáo N. Bị cáo N có báo cáo lãnh đạo về việc nhận số tiền 7.000.000 đồng và do diễn biến tư tưởng không bắt buộc phải báo cáo liên.

Không cho đối chất giữa bà P với N là vi phạm tố tụng hình sự. Từ phân tích trên đề nghị hủy án sơ thẩm.

Bị cáo N: Thống nhất lời bào chữa của 2 luật sư, không có ý kiến bổ sung.

Trong giai đoạn tranh luận Kiểm sát viên thay đổi quan điểm: Xét thấy chứng cứ có trong hồ sơ có nhiều mâu thuẫn chưa được làm rõ. Đề nghị căn cứ vào Điều 355; Điều 358 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Hủy bản án sơ thẩm để điều tra, xét xử lại theo thủ tục chung.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Mong Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 81/2017/HSST ngày 12/12/2017 của Tòa án nhân dân huyện TC, tỉnh Tây Ninh xét xử bị cáo Đặng Hoàng N về tội “Nhận hối lộ” theo khoản 1 Điều 279 của Bộ luật Hình sự với những căn cứ sau:

- Bị cáo N là công chức địa chính tại Ủy ban nhân dân xã TH, huyện TC, tỉnh Tây Ninh có hành vi nhận của bà Trần Thị Ngọc P 7.000.000 đồng để thỏa thuận làm thủ tục về các hồ sơ đất đai ở giai đoạn cấp xã thuộc trách nhiệm của N. Việc nhận tiền xác định hai lần, lần 01 là 4.000.000 đồng tại nhà bà P khoảng tháng 5/2016 và lần 02 là 3.000.000 đồng tại nhà bà P khoảng tháng 8/2016 khi N giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 30.000m². Sau khi nhận tiền xong, N không làm nên ngày 10/02/2017 bà P có tờ tường trình tố cáo.

[2] Xét các chứng cứ chứng minh về hành vi của bị cáo trong vụ án, thấy rằng:

[2.1] Các chứng cứ đã rõ:

- N có đến nhà bà P: Thể hiện qua lời khai của bị cáo N, ông H, bà P và bà O.

- N có nhận tiền: Thể hiện ngày 08/3/2017 bị cáo N có nhờ Hồ Quốc V là Công an viên xã TH đem giấy tờ bổ sung hồ sơ đất và 7.000.000 đồng đến nhà bà P trả lại và qua lời trình bày của ông Đỗ Thiết L.

[2.2] Các chứng cứ chưa được làm rõ:

- Về thời gian, địa điểm nhận tiền:

Ban đầu bị cáo khai là nhận số tiền 7.000.000 đồng vào sáng ngày 28/7/2016 thể hiện tại các BL 91, 92, cụ thể: Bản tự khai của bị cáo (BL 91), biên bản lấy lời khai ngày 31/3/2017 (BL 92) bị cáo N xác định: ... “ khoảng 8-9 giờ sáng hôm sau thì chị P và O gặp tôi tại Ủy ban và đưa tôi 02 hồ sơ đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có kẹp số tiền 7.000.000 đồng... tôi nhận hồ sơ và nhận tiền ...đến 16 -17 giờ cùng ngày tôi hoàn thành bộ hồ sơ cấp đổi diện tích 03ha...” “... khi phát hiện số tiền ... tôi không trả lại cho chị P hoặc giao lại cho tổ chức giữ mà lấy sử dụng là vì theo tôi nhận thức vì ngày hôm trước anh P (công an) có nhờ tôi làm nhanh bộ hồ sơ đất để bạn anh P vay vốn và mọi chi phí anh P lo và việc làm nhanh hồ sơ cũng phải tốn tiền nước uống trong quan hệ nên số tiền trên dùng để phục vụ việc nhanh chóng hoàn thành các thủ tục pháp lý và hồ sơ đất đai của bạn anh P”.

Sau đó, đến ngày 18/4/2017 (18 ngày sau) bị cáo thay đổi lời khai cho rằng số tiền 7.000.000 đồng có vào sáng ngày 07/3/2017 khi bà P đến Ủy ban xã nộp giấy tờ bổ sung hồ sơ đất. Việc thay đổi lời khai này bị cáo không cung cấp được chứng cứ nhưng qua kiểm tra điện thoại của bà P thể hiện ngày 07/3/2017 bà P gọi cho N 03 cuộc vào buổi sáng, 02 cuộc vào buổi chiều, về phía N có nhắn tin và gọi cho bà P vào lúc 10 giờ 20 phút. Cùng ngày 07/3/2017 bị cáo N có điện thoại cho ông L – Chủ tịch Ủy ban xã TH để báo việc bà P đưa tiền và trong thời gian từ ngày 05/3/2017 đến 08/3/2017 giữa bị cáo N, bà P và đối tượng Ngô Thị Thu D nhiều lần liên lạc với nhau qua điện thoại. Cơ quan điều tra chưa làm rõ nội dung các cuộc gọi theo biên bản kiểm tra ngày 10/3/2017 (BL 07), chưa tiến hành đối chất giữa bị cáo N với bà P, đối tượng D và bị cáo N với ông L, ông L với ông P để xem xét việc bị cáo N thay đổi lời khai có căn cứ hay không.

- Đối với hồ sơ đất diện tích 30.000m² bà P được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần 02 (cấp đổi) vào ngày 28/7/2014 và tiến hành làm thủ tục

tặng cho Huỳnh Thị Hoàng O tại xã TH vào ngày 28/7/2016, N trực tiếp làm xong và chuyển sang Văn phòng đăng ký tiếp nhận trong cùng một ngày, theo Biên bản xác minh tại Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Tây Ninh- Chi nhánh huyện TC vào ngày 02/6/2017 (BL134) thể hiện: “Đối với hồ sơ đất của bà Trần Thị Ngọc P tặng cho Huỳnh Thị Hoàng O diện tích 30.000m² không cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mới...” tức là bà O không có đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 03 ha. Tài liệu này mâu thuẫn với lời trình bày của bà P cho rằng đến khoảng tháng 8/2016 bị cáo N đem giấy chứng nhận tên Huỳnh Thị Hoàng O đến nhà đưa cho bà và bà đưa tiếp 3.000.000 đồng (BL 111-113; 344 – 346). Cần điều tra làm rõ.

[2.3] Đối với Tờ tường trình tố cáo của bà P: Nộp tại Công an huyện TC vào ngày 11/2/2017, sau khi nộp đơn cho cơ quan có thẩm quyền mà bà P vẫn tiếp tục giao dịch với bị cáo N, ngày 07/3/2017 điện thoại N liên tục 05 cuộc gọi trong ngày, lẽ ra khi liên lạc bà phải trình báo công an nhưng bà không trình báo, theo nội dung đơn thì bà P đưa tiền cho N để làm một việc là ra giấy đỏ vì lợi ích của bà, tại thời điểm trình báo công an thì hành vi đưa tiền đã hoàn thành xong 06 tháng, do không đạt kết quả như mong muốn nên mới tố cáo. Như vậy, bà P có dấu hiệu của tội danh “Đưa hối lộ”.

[3] Về tội danh: Theo bản tường trình tố cáo của bà P xác định “... chú N nhận hồ sơ làm sổ đất... tôi phải đưa chú N 8.000.000 đồng ...” . Như vậy, bà P đưa tiền cho N để làm một việc là làm sổ đất cho bà.

Tại Quyết định số: 1228/QĐ -UBND của Ủy ban nhân dân huyện TC, tỉnh Tây Ninh về điều động công chức cấp xã, đã điều động Đặng Hoàng N nhận công tác tại Ủy ban nhân dân xã TH với chức danh: Địa chính – Nông nghiệp – Xây dựng và Môi trường từ ngày 22/6/2015. Hồ sơ vụ án chưa thể hiện chức vụ, quyền hạn cụ thể của bị cáo N làm gì tại Ủy ban nhân dân xã TH trong lĩnh vực tiếp nhận hồ sơ đất đai vì theo hồ sơ thể hiện, ngoài bị cáo N còn có ông Phạm Minh Q có tham gia trong quá trình làm hồ sơ đất đai cho bà Trần Thị Ngọc P và yêu cầu của bà P có thuộc trách nhiệm giải quyết của bị cáo hay không. Chưa có ý kiến của cơ quan quản lý xác định công việc, chức vụ, quyền hạn cụ thể của bị cáo trong lĩnh vực đất đai tại địa phương như thế nào. Tại phiên tòa phúc thẩm ông L trình bày Ủy ban xã TH đã ra 02 quyết định phân công nhiệm vụ cho bị cáo N nhưng cơ quan điều tra không có yêu cầu cung cấp.

Chưa làm rõ bị cáo nhận tiền để làm nhanh thủ tục ở giai đoạn cấp xã là làm nhanh những thủ tục gì và địa chính xã có quan hệ như thế nào với Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất đai tỉnh Tây Ninh – Chi nhánh huyện TC và

Văn phòng đăng ký đã nhận hồ sơ trên cơ sở điện thoại của bị cáo N có đúng theo quy định không? Trường hợp nào phải có giấy ủy quyền?

[4] Về xử lý vật chứng: Đối với số tiền 7.000.000 đồng cấp sơ thẩm xác định là vật chứng trong vụ án, bà P đã giao nộp cho Cơ quan điều tra Công an huyện TC vào ngày 16/7/2017 (BL 302) (sau khi nhận lại 4 tháng 18 ngày). Bản án sơ thẩm tuyên tịch thu sung công quỹ Nhà nước 3.500.000 đồng và tuyên trả lại cho bà P 3.500.000 đồng là không phù hợp điểm c khoản 2 Điều 76 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Cần tịch thu toàn bộ số tiền trên.

Ngoài ra, quyết định của bản án sơ thẩm không xử lý tài sản kê biên của bị cáo là thiếu sót.

[5] Do cấp sơ thẩm điều tra chưa đầy đủ mà cấp phúc thẩm không thể bổ sung được. Cần hủy bản án sơ thẩm để điều tra lại theo thủ tục chung.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ điểm c khoản 1, khoản 2 Điều 355; điểm b khoản 1 Điều 358; Điều 360 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Hủy Bản án hình sự sơ thẩm số: 81/2017/HS-ST ngày 12/12/2017 của Tòa án nhân dân huyện TC, tỉnh Tây Ninh.

2. Giao hồ sơ cho Viện kiểm sát nhân dân huyện TC, tỉnh Tây Ninh điều tra lại theo thủ tục chung.

3. Án phí: Bị cáo N không phải chịu tiền án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT1. TANDTC. tại Hà Nội;
- VKSND. TTN;
- TAND huyện TC;
- Công an huyện TC;
- Chi cục THADS huyện TC;
- VKSND huyện TC ;
- Phòng PV27. CATN;
- Phòng lý lịch Sở Tư pháp TTN;
- Bị cáo;
- UBND xã TT, TC;
- Những người tham gia tố tụng;
- Phòng KTNV&THA. TATTN;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án THS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Thị Thanh Giang

